

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (lần 3)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 17**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
Xét Tờ trình số 1861/TTr-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (lần 3); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (lần 3), với số vốn 30.303 triệu đồng. Cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020, với số vốn 16.014 triệu đồng.
2. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2020, với số vốn 14.289 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa IX Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 04 tháng 9 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 9 năm 2020. / *vtc*

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN - TP.HCM);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TƯ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. *vtc*





Phụ lục I
DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN KÈO DÀI NĂM 2019 SANG NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số: 16/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2020			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSĐP		Cân đối NSĐP	XSKT		Cân đối NSĐP	XSKT			
	Tổng số		1.109.314	719.560	47.793	5.819	41.974	47.793	5.819	41.974	16.014	16.014		
A	Tình quản lý		988.498	611.722	46.277	4.481	41.796	44.052	4.481	39.571	15.357	13.132		
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh		982.579	605.803	45.817	4.079	41.738	43.877	4.364	39.513	15.062	13.122		
(1)	Dự án tất toán tài khoản		364.230	248.632	79	79	-	2.285	500	1.785	-	2.206		
1	Trường THPT Cây Dương (phân hiệu Bưng Tàu)	2015	1443/QĐ-UBND, 21/10/2014	6.827	6.827			80		80		80		
2	Trụ sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hậu Giang	2008-2009	1555/QĐ-UBND, 05/9/2007	13.144	13.144			287		287		287		
3	Tu bổ, tôn tạo và nâng cấp Di tích Đền thờ Bác Hồ	2009-2010	1325/QĐ-UBND, 14/5/2009	4.685	4.685			9		9		9		
4	Cụm tượng đài "Chiến thắng 75 lượt tiêu đoàn ngày"	2010-2012	619/QĐ-UBND, 17/3/2010	25.974	25.974			89		89		89		
5	Công chào đường nói Vj Thanh - Cần Thơ	2013	32/QĐ-SKHĐT 08/3/2013	1.188	1.188			5		5		5		
6	NC, SC Trường nghiệp vụ Văn hóa Thể thao Du lịch tỉnh Hậu Giang	2015	210/QĐ-SKHĐT 30/10/2014	994	994			8		8		8		
7	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	2011-2015	639/QĐ-UBND, 07/4/2011	31.933	31.933			239		239		239		
8	Phòng khám Đa khoa khu vực Trà Lồng, H.Long Mỹ, tỉnh HG	2013-2013	2077/QĐ-UBND, 22/10/2012	8.528	8.528			212		212		212		

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2020			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP	XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSDP					Cân đối NSDP	XSKT			
9	Trường THPT Lương Tâm	2018-2018	229/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	11.600	11.600			18			18		18	
10	Bệnh viện đa khoa H.Long Mỹ	2008 - 2017	1909/QĐ-UBND, 27/8/2008	103.216				253			253		253	
11	Trạm Y tế xã Long Bình (mới chia tách)	2017-2019	240/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	6.992	3.138			14			14		14	
12	Năng cấp, sửa chữa Bệnh viện Lao và Bệnh viện phổi tỉnh	2019	487/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	8.009	8.009			3			3		3	
13	Năng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã Thuận Hòa, huyện Long Mỹ.	2014-2015	116/QĐ-SKHĐT, ngày 11/7/2014	671	671			5			5		5	
14	Năng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã Xã Phiến, huyện Long Mỹ.	2014-2015	137/QĐ-SKHĐT, 17/7/2014	3.515	3.515			2			2		2	
15	Năng cấp, sửa chữa Trạm Y tế phường 3, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	2014-2015	140/QĐ-SKHĐT, 17/7/2014	3.657	3.657			2			2		2	
16	Năng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã Hòa Lưu, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	2014-2015	139/QĐ-SKHĐT, ngày 17/7/2014	1.692	1.692			3			3		3	
17	Năng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã Tân Phú Thành, huyện Châu Thành A.	2014-2015	142/QĐ-SKHĐT, 17/7/2014	3.968	3.968			29			29		29	
18	Năng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A.	2014-2015	121/QĐ-SKHĐT, 11/7/2014	3.856	3.856			28			28		28	
19	Trạm Y tế xã Long Bình, huyện Long Mỹ.	2014-2015	212/QĐ-UBND, 10/02/2015	5.671	5.671			443			443		443	
20	Năng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã Vị Trung, huyện Vị Thủy.	2014-2015	78/QĐ-SKHĐT, 23/6/2014	2.955	2.955			28			28		28	

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2020			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSDP		Cân đối NSDP	XSKT		Cân đối NSDP	XSKT			
21	Trạm Y tế thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.	2015-2016	957/QĐ-UBND, 14/7/2015	6.576	6.576			28		28		28		
22	Trụ sở làm việc các Hội có tính chất đặc thù của tỉnh	2016-2019	702/QĐ-UBND, 04/5/2016	54.885	54.885			180		180		180		
23	Trụ sở làm việc Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang	2016-2018	1252/QĐ-UBND 30/10/2015	23.694	23.694			75		75		75		
24	Trụ sở làm việc Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thuộc Sở Công Thương	2017-2019	1971/QĐ-UBND, 31/10/2016	30.000	30.000		79	245		245		166		
(2)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018			123.543	101.326		3.463	3.125		3.125		338		
	Dự án nhóm B			80.931	80.931		2.181	2.159		2.159		22		
1	Trung tâm Kỹ thuật Phát thanh - Truyền hình tỉnh HG	2013-2020	265/QĐ-UBND, 24/2/2015	80.931	80.931		2.181	2.159		2.159		22		
	Dự án nhóm C			42.612	20.395		1.282	966		966		316		
1	NC, SC, MR TYT xã Phú An, H. Châu Thành, T.HG	2014-2015	120/QĐ-SKHĐT, 11/7/2014	3.577			81					81		
2	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh HG	2011-2016	2532/QĐ-UBND, 17/12/2010	29.967	13.395		964	910		910		54		
3	Bệnh viện Lao tỉnh Hậu Giang	2008-2017	2002/QĐ-UBND, 03/10/2016	2.068			226	55		55		171		
4	Trường THPT Trương Long Tây	2017-2019	245/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	7.000	7.000		11	1		1		10		
(3)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2019			60.374	43.482		1.286	948		948		338		
	Dự án nhóm C			60.374	43.482		1.286	948		948		338		
1	Trường THPT Tân Phú	2017-2019	244/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	5.000	5.000		57	38		38		19		

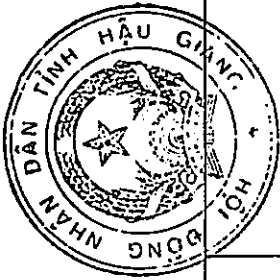
TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2020			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Căn đối NSDP		Căn đối NSDP	XSKT		Căn đối NSDP	XSKT			
2	Trạm Y tế xã Thạnh Xuân	2018-2020	223/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	7.599	3.745	531	531	516	516	15				
3	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh HG gồm các HM: Sân đường nội bộ...	2018-2020	225/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	14.999	14.999	321	321	177	177	144				
4	Trường THPT Chuyên Vị Thanh	2018-2020	227/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	6.700	6.700	93	93	82	82	11				
5	Cải tạo, nâng cấp XD hệ thống xử lý nước thải và chất rắn y tế cấp thị trấn mới trường BVĐK H.Vị Thủy, BV Lao và Bệnh phổi tỉnh HG	2015-2018	724/QĐ-UBND, 20/5/2015	26.076	13.038	284	284	135	135	149				
(4)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019			404.701	182.632	40.989	40.989	26.603	26.603	14.386				
	Dự án nhóm B			365.851	143.782	30.173	30.173	16.527	16.527	13.646				
1	Dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi Di tích lịch sử Đền thờ Bác Hồ, xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ	2016-2020	1529/QĐ-UBND, 30/10/2015	51.715	52.602	9.000	9.000	7.100	7.100	1.900				
2	ĐA xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TP. Vị Thanh	2013-2020	1473/QĐ-UBND, 04/10/2016	274.136	51.180	4.000	4.000	2.254	2.254	1.746				
3	Xây dựng nhà máy nước Long Mỹ	2017-2019	1859/QĐ-UBND, 28/10/2016; 801/QĐ-UBND, 22/05/2018	40.000	40.000	17.173	17.173	7.173	7.173	10.000				
	Dự án nhóm C			38.850	38.850	10.816	10.816	10.076	10.076	740				
1	Trường Tiểu học TT Trà Lồng	2018-2020	2154/QĐ-UBND, 31/10/2017	32.000	32.000	7.287	7.287	7.157	7.157	130				
2	Trường THPT Vị Thanh	2018-2020	228/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017 và 208/QĐ-SKHĐT, 02/08/2019	6.850	6.850	3.529	3.529	2.919	2.919	610				

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2020			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			Tăng	Giảm	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP	XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSDP					Cân đối NSDP	XSKT			
(5)	Dự án khởi công mới năm 2020		29.731	29.731	-	-	-	10.916	1.610	9.306	-	10.916		
I	Mở rộng diện tích xây dựng Khu Di tích lịch sử "Địa điểm thành lập Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam tỉnh Cần Thơ" tại xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành A	1907/QĐ-UBND, 31/10/2019	29.731	29.731				10.916	1.610	9.306		10.916		
II	Sở Giáo dục và Đào tạo		2.497	2.497	58	-	58	58	-	58	10	10		
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2019		2.497	2.497	58	-	58	58	-	58	10	10		
1	Trường THPT Châu Thành A	238/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	1.199	1.199	35		35	39		39		4		
2	Trường THPT Ngã Sáu, huyện Châu Thành	476/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	999	999	4		4	10		10		6		
3	Trường Dạy trẻ Khuyết tật tỉnh Hậu Giang	479/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	299	299	19		19	9		9		10		
III	Sở Kế hoạch và Đầu tư		3.421	3.421	402	402	402	117	117	-	285	-		
(I)	Dự án Quy hoạch và tất toán tài khoản		3.421	3.421	402	402	402	117	117	-	285	-		
1	Quy hoạch các dự án ưu tiên vận động thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tỉnh Hậu Giang thời kỳ đến năm 2025	1934/QĐ-UBND, 26/10/2017	553	553	72	72	72	39	39		33			
2	Quy hoạch các dự án ưu tiên vận động thu hút và sử dụng nguồn vốn các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài (NGO) tỉnh Hậu Giang thời kỳ đến năm 2025	1936/QĐ-UBND, 26/10/2017	553	553	72	72	72	39	39		33			
3	Quy hoạch các dự án ưu tiên vận động thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) tỉnh Hậu Giang thời kỳ đến năm 2025	1935/QĐ-UBND, 26/10/2017	553	553	72	72	72	39	39		33			
4	Quy hoạch mạng lưới cấp nước và sử dụng nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030	1802/QĐ-UBND, 19/12/2014	1.762	1.762	186	186	186	-	-	-	186			
B	Cấp Huyện quản lý		120.816	107.838	1.516	1.338	178	3.741	1.338	2.403	657	2.882		
I	UBND thành phố Ngã Bảy		28.154	28.154	450	450	-	450	450	-	259	259		
(I)	Dự án tất toán tài khoản		28.154	28.154	450	450	-	450	450	-	259	259		

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2020			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP		XSKT	Cân đối NSDP			
1	Nâng cấp đường 1 tháng 5, phường Hiệp Thành, thị xã Ngã Bảy	2017-2019	QĐ 3729 ngày 31/10/2016	7.974,42	7.974,42	267,00	267,00	132,00	132,00	135				
2	Nâng cấp, mở rộng đường Ngô Quyền	2017-2019	QĐ 3741 ngày 31/10/2016	14.733,92	14.733,92	53,00	53,00	20,00	20,00	33				
3	Hoàn thiện đường Nguyễn Văn Nét	2019-2020	QĐ 2272 ngày 24/10/2017	2.475,86	2.475,86	130,00	130,00	39,00	39,00	91				
4	Mua sắm thiết bị nhà Công vụ	2020	QĐ 1926 ngày 31/10/2019	1.970	1.970	-	-	196	196		196			
5	Di dời nhà bia ghi tên liệt sĩ xã Đại Thành	2020	QĐ 1913 ngày 31/10/2019	1.000	1.000	-	-	63	63		63			
II	UBND thị xã Long Mỹ			20.000	20.000	178	178	178	178		149			
(1)	Dự án tất toán tài khoản			20.000	20.000	178	178	178	178		149			
1	Trường Tiểu học Long Trị I	2017-2019	1519/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	15.000	15.000	178	178	29	29		149			
2	Đường Nguyễn Việt Hồng	2018-2020	3638c/QĐ-UBND ngày 24/3/2016	5.000	5.000	-	-	149	149		149			
III	UBND huyện Long Mỹ			49.183	40.531	592	592	2.817	2.225		2.225			
(1)	Dự án tất toán tài khoản			2.225	2.225	-	-	2.225	2.225		2.225			
1	Đường bê tông 2.5m Bờ Tây kênh Năm Cấn, ấp 3 xã Lương Tân	2016-2018	43/QĐ-UBND 11/01/2019	2.225	2.225	-	-	2.225	2.225		2.225			
IV	UBND huyện Châu Thành			23.479	19.153	296	296	296	296		249			
(1)	Dự án tất toán tài khoản			23.479	19.153	296	296	296	296		249			
1	Cụm dân cư vượt lũ thị trấn Ngã Sáu (giai đoạn 2)	2009-2013	5018 ngày 27/11/2013	18.109	18.109	296	296	47	47		249			

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2020			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSĐP	XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSĐP					Cân đối NSĐP	XSKT			
2	Cầu giao thông nông thôn, bê tông, Kênh Lạc	2012-2013	3515/QĐ-UBND; ngày 23/10/2012	1.044	1.044			79	79			79		
3	Cầu Ông Hoạch, xã Đông Thành (ngang Ủy ban nhân dân xã Đông Thành)	2015-2019	2191/QĐ-UBND; ngày 16/6/2015	4.326				170	170			170		
V	UBND huyện Phụng Hiệp			37.184	-	296	-	296	57	239	186	186		
(1)	Dự án tất toán tài khoản			37.184	-	296	-	296	57	239	186	186		
1	Trung tâm Y tế huyện	2011-2013	1091/QĐ-UBND ngày 04/07/2011	33.993		296		110		110	186	186		
2	Cầu kênh ranh xã Tân Bình	2016-2018	4733/QĐ-UBND 31/10/2016	969				57	57				57	
3	Trường Tiểu học Long Thành 3; Hạng mục san lấp mặt bằng, sân, hàng rào	2016-2018	6051/QĐ-UBND 29/11/2016	910				40		40			40	
4	Trường Mẫu giáo Hòa Mỹ điểm áp 4, xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp; Hạng mục: 02 phòng học sân chơi, thiết bị	2016-2018	1057/QĐ-UBND 10/10/2016	1.312				89		89			89	





Phụ lục II

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số: 16/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			Giảm	Tăng	Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSDP	Trong đó: XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSDP	Trong đó: XSKT					
	Tổng số				7.692.476	1.797.259	88.403	72.482	15.921	88.403	72.482	15.921	14.289	14.289	
A	Tỉnh quản lý				7.550.252	1.726.607	60.009	58.672	1.337	58.670	57.333	1.337	12.788	11.449	
I	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh				5.909.486	390.837	15.012	14.156	856	15.012	14.156	856	601	601	
(1)	Dự án tất toán tài khoản				5.909.486	390.837	15.012	14.156	856	15.012	14.156	856	601	601	
1	Cầu Tân Hiệp	2017-2019	1962/QĐ-UBND 31/10/2016; 324/QĐ-UBND 02/3/2017; 194/QĐ-UBND 28/01/2019		31.000	31.000	2.000	2.000		2.313	2.313			313	
2	Đường Tây Sông Hậu, thị xã Vị Thanh	2005-2019	594/QĐ-UBND 23/3/2005; 280/QĐ-UBND 01/3/2018		206.767	206.767	856		856	952	96	856		96	
3	Đường nối Vị Thanh - Cần Thơ	2007-2018	714/QĐ-UBND 25/4/2007; 1258/QĐ-UBND 7/6/2010; 65/QĐ-UBND 12/01/2018		5.373.830	60.000	5.917	5.917		6.109	6.109			192	
4	Hệ thống công ngăn mặn Nam Kênh Xà No	2011-2017	1786/QĐ-UBND 05/10/2011; 1917/QĐ-UBND		297.889	93.070	6.239	6.239		5.638	5.638		601		
II	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh				401.121	226.125	22.113	21.632	481	22.113	21.632	481	4.742	4.742	
(1)	Bổ trí tất toán tài khoản				193.727	63.727	4.370	4.370	-	1.270	1.270	-	3.100	-	
1	Trung tâm Hội nghị tỉnh	2015-2017	1239/QĐ-UBND, 28/8/2014		193.727	63.727	4.370	4.370		1.270	1.270		3.100		



TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn năm 2020				Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung				Giảm	Tăng	Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Giảm				Tăng
				Trong đó: Căn đối NSDP	XSKT			Căn đối NSDP	XSKT			Căn đối NSDP	XSKT					
(3)	Dự án hoàn thành năm 2020			207.394	162.398	17.743	17.262	481	20.843	20.362	481	1.642	4.742					
	Dự án nhóm B			164.996	120.000	14.239	13.758	481	17.746	17.265	481	1.235	4.742					
1	Trung tâm Bảo trợ xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Hậu Giang	2017-2020	1919/QĐ-UBND, 31/10/2016	49.996	5.000	258	258		5.000	5.000			4.742					
2	Khu Hậu cứ đoàn ca múa nhạc dân tộc tỉnh và khu hành chính quản lý thuộc Trung tâm văn hóa tỉnh Hậu Giang	2017-2021	1940/QĐ-UBND 31/10/2016	115.000	115.000	13.981	13.500	481	12.746	12.265	481	1.235						
	Dự án nhóm C			42.398	42.398	3.504	3.504	-	3.097	3.097	-	407	-					
1	Nâng cấp Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Hậu Giang	2018-2020	214/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	7.400	7.400	37	37		29	29		8						
2	Trụ sở làm việc, Hội trường Tỉnh ủy và các hạng mục phụ trợ.	2019-2021	1715/QĐ-UBND, 31/10/2018	23.024	23.024	1.593	1.593		1.308	1.308		285						
3	Sửa chữa Trụ sở làm việc các Ban Xây dựng Đảng và Đoàn thể tỉnh.	2019-2021	485/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	11.974	11.974	1.874	1.874		1.760	1.760		114						
III	Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang			1.159.645	1.029.645	17.360	17.360		17.360	17.360		6.106	6.106					
(3)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2020																	
1	Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Sông Hậu đợt 2-giai đoạn 1, huyện Châu Thành	2007-2019	376/QĐ-UBND	417.370	357.370	10.328	10.328		4.222	4.222		6.106						
2	Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thành - giai đoạn 1, huyện Châu Thành A	2010-2020	1736/QĐ-UBND, 19/8/2010	742.275	672.275	7.032	7.032		13.138	13.138			6.106					
IV	Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang			80.000	80.000	5.524	5.524		4.185	4.185		1.339	-					
(3)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2020			80.000	80.000	5.524	5.524		4.185	4.185		1.339	-					

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn năm 2020				Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung				Giảm	Tăng	Ghi chú		
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Cân đối NSDP	XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó:	
				Trong đó: Cân đối NSDP	Trong đó: XSKT		Cân đối NSDP	XSKT		Cân đối NSDP	XSKT								
I	Thiết bị Trung tâm Kỹ thuật Phát thanh - Truyền hình tỉnh Hậu Giang	2013-2020	2151/QĐ-UBND, 31/10/2017	80.000	80.000	5.524	5.524	4.185	4.185	1.339		4.185	4.185	1.339					
B	Cấp huyện quản lý			142.224	70.652	28.394	13.810	14.584	29.733	15.149	14.584	15.149	14.584	1.501	2.840				
I	UBND thị xã Long Mỹ			12.006	12.006	1.813	1.813	1.813	1.813	-	-	1.813	-	210	210				
(1)	Dự án tất toán tài khoản																		
I	Nâng cấp mở rộng tuyến đường về chợ Bình Hiếu	2015-2016	816/QĐ-UBND ngày 29/06/2015	1.006	1.006	413	413	203	203	210		203	203	210					
2	Trụ sở UBND xã Long Trị, thị xã Long Mỹ	2016-2020	2930/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	11.000	11.000	1.400	1.400	1.610	1.610			1.610	1.610		210				
II	UBND huyện Phụng Hiệp			52.994		9.703	9.703	9.703	9.703	697		9.703	9.703	697	697				
(1)	Dự án tất toán tài khoản			37.787		1.428	1.428	1.428	1.428	291		1.428	1.238	291	101				
	Dự án nhóm C			37.787		1.428	1.428	1.428	1.428	291		1.428	1.238	291	101				
I	Trung tâm Văn hóa-Thể thao huyện	2014 - 2018	4906/QĐ-UBND, 11/7/2014	32.198		1.181	1.181	1.012	1.012	169		1.012	1.012	169					
2	Trường Mẫu giáo Tân Bình 2	2016-2018	1976/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.680		168	168	121	121	47		121	121	47					
3	Nhà Văn hoá ấp Phú Xuân	2014-2015	3332/QĐ-UBND, 22/5/2014	2.120		79	79	4	4	75		4	4	75					
4	Trường Mẫu giáo khu Căn cứ Tỉnh ủy; Hàng mục: 02 phòng học, 01 phòng chức năng, sân đường	2017-2019	4735/QĐ-UBND, 31/10/2016	1.789				101	101			101	101		101				
(2)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2019			5.150		2.339	2.339	1.996	1.996	343		1.996	1.996	343	-				
	Dự án nhóm C			5.150		2.339	2.339	1.996	1.996	343		1.996	1.996	343	-				
I	NCSC Trụ sở xã Phương Bình	2018-2020	4592/QĐ-UBND, 31/10/2017	2.575		1.060	1.060	869	869	191		869	869	191					
2	NCSC Trụ sở xã Bình Thành	2018-2020	4591/QĐ-UBND, 31/10/2017	2.575		1.279	1.279	1.127	1.127	152		1.127	1.127	152					

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn năm 2020				Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung				Tăng	Giảm	Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
				Trong đó: Cán đối NSDP	XSKT			Cán đối NSDP	XSKT		Cán đối NSDP	XSKT						
(3)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2020			10.057		5.936	5.936	5.936	5.936	5.936	6.469	6.469	6.469	63	596			
	Dự án nhóm C			10.057		5.936	5.936	5.936	5.936	5.936	6.469	6.469	6.469	63	596			
1	Nhà Văn hoá áp Long Sơn 1, xã Long Thạnh	2020	6680/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.320		1.280	1.280	1.280	1.280	1.280	1.270	1.270	1.270	10				
2	Nhà Văn hoá áp Long Hoà A1, xã Long Thạnh	2020	6683/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.200		1.164	1.164	1.164	1.164	1.164	1.146	1.146	1.146	18				
3	Nhà Văn hoá áp Long Trường 3, xã Long Thạnh	2020	6681/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.200		1.164	1.164	1.164	1.164	1.164	1.151	1.151	1.151	13				
4	Nhà Văn hoá áp Long Trường 1, xã Long Thạnh	2020	6682/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.200		1.164	1.164	1.164	1.164	1.164	1.154	1.154	1.154	10				
5	Nhà Văn hoá áp Trường Khánh 2, xã Long Thạnh	2020	6684/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.200		1.164	1.164	1.164	1.164	1.164	1.152	1.152	1.152	12				
6	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Long Thạnh 3 (điểm Long Trường 3), hạng mục: 6 phòng học nhà vệ sinh và thiết bị	2020-2021	4313/QĐ-UBND, 22/10/2018	1.099							270	270	270		270			
7	Thiết bị UBND xã Hòa Mỹ	2020-2021	6826/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.400							122	122	122		122			
8	Nâng cấp, sửa chữa các hạng mục hạ tầng Trụ sở xã Hòa Mỹ	2020-2021	6824/QĐ-UBND, 31/10/2019	364							15	15	15		15			
9	Công trình UBND huyện Phụng Hiệp; Hạng mục: Cải tạo đài phun nước	2019-2020	6677/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.074							189	189	189		189			
III	UBND huyện Vị Thủy			72.103	57.867	15.732	2.294	13.438	15.732	2.294	2.294	13.438	13.438	594	594			
(1)	Dự án tất toán tài khoản			37.148	22.912	-	-	-	-	-	488	488	36	-	524			
1	Đường Lê Hồng Phong nối dài, huyện Vị Thủy	2013-2015	3534/QĐ-UBND ngày 24/10/2013	4.454	4.454	-	-	-	-	-	81	81	81		81			

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			Tăng	Giảm	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cán đối NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cán đối NSDP	XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cán đối NSDP			
2	Cụm Dân cư vượt lũ xã Vị Đông	2011-2013	2314/QĐ-UBND, 22/4/2011	15.222	15.222	-		137	137		137			
3	Bia cấm thú thịt trấn Nàng Mau, hạng mục: San lấp mặt bằng, hàng rào, sân đường nội bộ, cây xanh, bục đỡ bia, cấp nước cây xanh, điện chiếu sáng	2010-2014	794/QĐ-UBND, 08/6/2010	637		-		22	22		22		22	
4	Giao thông nông thôn xã Vĩnh Thuận Tây năm 2014, hạng mục: Đường Kinh Ngang	2014-2016	3536/QĐ-UBND, 24/10/2013	8.492		-		73	73		73		73	
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đê bao kết hợp Giao thông nông thôn liên ấp 6-7, xã Vị Thới	2014-2016	2839/QĐ-UBND, 04/8/2014	2.759		-		139	139		139		139	
6	Nâng cấp, mở rộng Hội trường UBND các xã thuộc huyện Vị Thủy	2016-2018	QĐ số 10/QĐ-UBND ngày 18/01/2016	536	536	-		8	8		8		8	
7	Đường Trà Sắt Kênh Ngang	2016-2018	1055/QĐ-UBND Ngày 31/03/2016 UBND	4.448	2.100	-		28	28		28		28	
8	Trang bị cơ sở vật chất trường Mầm non Hoa Hồng	2018-2019	3842/QĐ-UBND, 30/10/2017	600	600	-		36	36		36		36	
(3)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2020			19.944	19.944	1.227	1.227	1.278	1.208	1.208	70	19	70	
1	Trường THCS Vị Bình, huyện Vị Thủy	2019-2020	3640/QĐ-UBND, 23/10/2018	13.944	13.944	-		70	70		70		70	
2	Nâng cấp, sửa chữa các Trụ sở UBND xã thuộc huyện Vị Thủy, Hạng mục: UBND xã Vĩnh Thuận Tây, UBND xã Vị Bình, UBND xã Vĩnh Tường	2019-2020	3726/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	6.000	6.000	1.227	1.227	1.208	1.208		1.208	19		
(4)	Dự án khởi công mới năm 2020			15.011	15.011	14.505	1.067	13.438	598	13.332	575	-		
1	Xây dựng panô, Cổng chào, xã Vị Trung và các ấp	2020-2022	1004/QĐ-UBND, 28/6/2019	851	851	796	796	741	741		741	55		

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBĐT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cán đối NSDP	XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cán đối NSDP	XSKT			
2	Đường kênh 9 Thước, xã Vĩnh Trung	2020-2022	990/QĐ-UBND, 27/6/2019	960		960	905		905		847	58		
3	Khu vực ủy Vệ Thủy. Hàng mục: lắp đặt điện, nước, rãnh thoát nước, vỉa hè	2020-2022	1045/QĐ-UBND, 02/7/2019	1.100		1.100	1.067		1.067		356	113		
4	Nâng cấp sửa chữa đường Kinh Chùa (xã Vệ Trung - Vệ Đông)	2020-2021	3548/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.700		1.700	1.649		1.649		1.612	37		
5	Nâng cấp sửa chữa đường kênh 12000 ấp 7B1 xã Vệ Thanh	2020-2021	3546/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.000		1.000	970		970		903	67		
6	Trường Mầm non Hòa Mi	2020-2021	3489/QĐ-UBND, 25/10/2019	2.800		2.800	2.716		2.716		2.683	33		
7	Trường Tiểu học Vệ Thanh 2	2020-2021	3486/QĐ-UBND, 25/10/2019	2.000		2.000	1.940		1.940		1.903	37		
8	Trường Tiểu học Vệ Bình 2	2020-2021	3485/QĐ-UBND, 25/10/2019	2.000		2.000	1.940		1.940		1.885	55		
9	Trường Tiểu học Vệ Thủy 2, ấp 4	2020-2021	3480/QĐ-UBND, 25/10/2019	500		500	485		485		469	16		
10	Trường Tiểu học Nàng Mau 2	2020-2021	3479/QĐ-UBND, 25/10/2019	1.000		1.000	970		970		953	17		
11	Trường Tiểu học Vệ Bình 2 (điểm B)	2020-2021	3477/QĐ-UBND, 25/10/2019	1.100		1.100	1.067		1.067		980	87		
IV	UBND huyện Long Mỹ			1.555		779	-		-		779	-	779	
(4)	Dự án khởi công mới năm 2020			1.555		779	-		-		779	-	779	
1	Xây dựng 03 phòng học Trường Mẫu giáo Xã Phiên 2	2020-2021	210/QĐ-SKHĐT, 15/7/2020	1.555		779					779		779	Đổi ứng
V	UBND huyện Châu Thành A			3.566		-	1.146		-		1.706	-	560	
(4)	Dự án khởi công mới năm 2020			3.566		-	1.146		-		1.706	-	560	
1	Đường giao thông nông thôn; hạng mục: Tuyến So Đũa Bé (nội dat)	2020-2022	3232/QĐ-UBND ngày 16/10/2019	3.566			1.146				1.706		560	